

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực An Giang - Địa chỉ: số 77 đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang, VN - Ông: Nguyễn Phước Quý Hùng – Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 02972.211.100
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: + Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện cho công trình (bao gồm thí nghiệm). Trừ vật tư thiết bị A cấp; + Vận chuyển toàn bộ vật tư, thiết bị đến công trình. + Thi công công trình theo đúng hồ sơ thiết kế; + Đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công (tổ chức điều tiết giao thông đường bộ, đường thủy). + Xin giấy phép thi công (đường bộ, đường thủy).
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại khu vực: Đặc khu Phú Quốc, Các Xã Tân Hiệp, Châu thành và phường Rạch Giá tỉnh An Giang và được xác định trong các bản vẽ mặt bằng.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 60 ngày (trong đó thời gian thi công xây lắp là 50 ngày) kể từ ngày phát lệnh khởi công công trình
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 60 ngày (trong đó thời gian cung cấp VTTB và thi công xây lắp hoàn thành công trình là 50 ngày tính từ ngày khởi công) .
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].

E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: Ban QLDA - Công ty Điện lực An Giang; Số 77 Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang - Tư vấn giám sát là : Xí nghiệp Dịch vụ Điện Lực An Giang - Công ty Điện lực An Giang ; Số 68 Nguyễn Hùng Sơn, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ____ <i>[Chủ đầu tư điền]</i>
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ____ <i>[liệt kê tài liệu]</i>. - Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết; Biện pháp tổ chức thi công; - Thiết kế được phê duyệt; - Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có) - Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B ...) các đội, tổ thi công;` - Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình; - Các phụ lục kèm theo của hợp đồng .
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng <i>[ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng]</i>. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định./. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày <i>[ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực]</i> ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực

	của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B. <i>[ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu.</i> <i>Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn ____ ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định].</i>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu _03 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày <i>[ghi số ngày]</i> /ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá _05 ngày <i>[ghi số ngày]</i> ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _ không có. <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _10% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].</i>
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ_____ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].</i>
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: Chứng thư bảo hiểm xây lắp công trình sẽ được xuất trình chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian bảo

	hiểm là 15 tháng (gồm 03 tháng thi công +12 tháng bảo hành) kể từ ngày khởi công. Số tiền bảo hiểm tối thiểu và tiền khấu trừ phải là: (a) cho các tổn thất hoặc hư hỏng Công trình, cây cối và vật liệu: 110% Giá hợp đồng. (b) cho các tổn thất hoặc hư hỏng Thiết bị: Bồi thường cho Chủ dự án theo giá thị trường do Chủ dự án quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ dự án), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp. (c) cho các tổn thất hoặc hư hỏng tài sản (ngoài trừ công trình, cây cối, vật liệu và thiết bị) có liên hệ đến Hợp đồng: - số tiền bảo hiểm tối thiểu: 50% Giá hợp đồng. - mức phí khấu trừ tối đa: 10.000.000 đồng. (d) đối với tổn hại cá nhân hoặc chết: - Nhân viên của Nhà thầu: tối thiểu 100.000.000 đồng / người. - Của người khác: tối thiểu 100.000.000 đồng / người.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình: 365 ngày <i>[ghi số ngày bảo hành công trình của nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT]</i> ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin liên quan đến công trường và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là ít nhất là 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 15 ngày làm việc kể từ ngày có tranh chấp.

	Giải quyết tranh chấp: <i>thực hiện theo Điều 45 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định của pháp luật.</i> Toà án giải quyết tranh chấp: <i>Toà án tỉnh An Giang (Quyết định của Tòa án tỉnh An Giang có giá trị bắt buộc cho cả hai bên).</i>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: <i>Căn cứ Lệnh khởi công [ghi ngày dự định khởi công].</i> - Ngày hoàn thành dự kiến: <i>60 ngày (trong đó thời gian thi công xây lắp là 50 ngày) kể từ ngày khởi công xây dựng công trình</i>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày <i>[ghi số ngày]</i> từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết 7 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 0 đ.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: <i>theo Điều 39 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.</i> Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc VTTB A cấp, phát sinh khối lượng hoặc trở ngại khác thì Công ty Điện lực An Giang và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế. + Cấp phát vật tư thiết bị A cấp:

	+ Chủ đầu tư/bên mời thầu sẽ bàn giao VTTB A cấp sau khi bàn giao mặt bằng thi công và theo tiến độ thi công trên công trường. Khi hoàn tất công trình, nếu nhà thầu không hoàn trả được phần VTTB A cấp sử dụng thừa bằng hiện vật cho chủ đầu tư thì phải bồi thường cho chủ đầu tư theo giá thị trường do chủ đầu tư quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của chủ đầu tư), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v. được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn trả cho chủ đầu tư giá trị bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. + Sau khi nhận phiếu xuất VTTB A cấp của Chủ đầu tư/bên mời thầu, trong vòng 05 ngày làm việc nhà thầu phải bố trí phương tiện tiếp nhận VTTB A cấp tại kho Chủ đầu tư. Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản vật tư A cấp từ lúc tiếp nhận đến khi nghiệm thu đóng điện, bàn giao công trình đúng theo quy định và theo khuyến cáo của nhà cung cấp, tránh mọi hư hỏng hoặc làm giảm giá trị của VTTB. + Nhà thầu bố trí kho bãi với diện tích đủ để bảo quản VTTB, thông báo địa điểm cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư bất kỳ thời điểm nào có quyền kiểm tra VTTB A cấp bảo quản tại kho bên B. + Kho công trình phải có người trông coi 24/24 và sử dụng các thiết bị camera theo dõi để phòng ngừa mất cắp. Đơn vị thi công có trách nhiệm cung cấp tài khoản camera trực tuyến cho Chủ đầu tư phục vụ công tác giám sát khi có yêu cầu. + Áp dụng thẻ kho điện tử (Sử dụng mã QR QR động cho mỗi công trình). + Khi tiếp nhận các vật liệu và thiết bị do Chủ đầu tư/bên mời thầu cung cấp, nhà thầu phải kiểm tra, đo đếm khối lượng và chất lượng hàng hóa được giao và nếu phát hiện có sai sót, mất mát hay hư hỏng nhà thầu phải thông báo ngay cho đơn vị QLDA. Đơn vị QLDA sẽ bổ sung, sửa chữa hoặc thay thế các hàng hóa đó. Sau khi đã kiểm tra và nhận hàng, việc bảo quản và kiểm soát quản lý các VTTB sẽ do nhà thầu chịu trách nhiệm. + Nhà thầu chịu trách nhiệm về chi phí vận chuyển các vật liệu và thiết bị do đơn vị QLDA cung cấp từ kho chủ đầu tư đến công trường hoặc kho bên B, bảo quản và kiểm soát trong quá trình thi công. Mọi mất mát hư hỏng trong các quá trình vận chuyển bảo quản, thi công này nhà thầu chịu trách nhiệm + Vật tư thiết bị do nhà thầu cung cấp (B cấp) + Khi tập kết vật tư B cấp tại công trường, nhà thầu phải thông báo cho giám sát A, đơn vị QLDA biết để tiến hành lập biên bản nghiệm thu trước khi đưa vào thi công lắp đặt, đồng thời cung cấp cho giám sát A
--	--

	bản photo các phiếu chứng nhận xuất xứ hàng hóa, phiếu thử nghiệm xuất xưởng. Nhà thầu phải đưa bản chính, bản sao y của đơn vị phát hành hoặc bản có công chứng của các tài liệu này vào 01 bộ trong 08 bộ hồ sơ thanh quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành của từng đợt tương ứng để gửi cho đơn vị QLDA. Nhà thầu không được phép đưa vật tư vào thi công khi chưa có sự chấp thuận của giám sát A. Đề nghị nhà thầu cung cấp VTTB và có văn bản mời nghiệm thu đạt yêu cầu như sau : VTTB B cấp (cáp, thiết bị, phụ kiện) trong vòng 10 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực. Trường hợp không đáp ứng sẽ phạt tiền độ cung cấp VTTB trễ tối đa 8% phần giá trị VTTB chưa cung cấp và nghiệm thu chưa đạt. Vật tư phải cung cấp đầy đủ và nghiệm thu đạt theo HSDT nhà thầu khai báo, nếu không cung cấp hoặc cung cấp chưa đủ phần khối lượng cấp sẽ bị phạt hợp đồng = giá trị VTTB B cấp x 8%. Lưu ý, phần phạt tiền độ chung phần xây lắp (tối đa 12%) vẫn giữ nguyên và không liên quan đến phạt giao hàng trễ. Nói chung HĐ sẽ có 02 hình thức phạt.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Đơn giá cố định [ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>hợp đồng theo đơn giá cố định</i>
E-ĐKC 42.1	(i) Tạm ứng: 15% giá trị hợp đồng. (ii) Thời gian tạm ứng: 20 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau: (iii) Giấy đề nghị tạm ứng của nhà thầu, trong đó có thể hiện giá trị tạm ứng của công trình. (iv) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng. (v) Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực đến khi nhà thầu hoàn trả hết tạm ứng, theo Mẫu quy định. (vi) Hợp đồng bảo hiểm, chứng từ thanh toán phí bảo hiểm + hóa đơn bảo hiểm (vii) Lệnh khởi công công trình. - Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi hết ngay từ lần thanh toán đầu tiên. <u>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</u> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày

	trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả. <u>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.
E-ĐKC 44.1	1. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản 2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hoặc theo thời gian giải ngân khoản vay thương mại do ngân hàng tài trợ vốn bên chủ đầu tư thực hiện. 3. Phương thức thanh toán: việc thanh toán được thực hiện 02 lần. - Các Đợt đầu: Thanh toán giá trị hạng mục hoàn thành sau khi nhà thầu hoàn thành khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc theo hợp đồng và thu hồi hết giá trị đã tạm ứng trong lần thanh toán đợt 1. Tổng giá trị thanh toán các đợt này không kể đợt cuối chỉ đạt tối đa 80% giá trị hợp đồng. - Đợt cuối: Thanh toán toàn bộ giá trị thực hiện còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dự, hoàn trả VTTB thu hồi trên lưới điện hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...) và Bên giao thầu nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương

	đương 5% giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành. - Mỗi đợt thanh toán, chủ đầu tư giữ lại 5% giá trị thanh toán. - Hồ sơ thanh toán: + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng) có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng. + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu (phụ lục 03.b). + Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (gọi là quyết toán A-B). + Hóa đơn GTGT; + Biên bản thanh lý hợp đồng (thanh toán đợt cuối). + Bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng phát hành và phải là bảo lãnh không có điều kiện không hủy ngang (đợt cuối)
E-ĐKC 45	<i>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.</i>
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% giá trị quyết toán theo đợt. <i>[số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].</i>
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Gia hạn thời gian, điều chỉnh giá hợp đồng ... <i>[ghi cụ thể các trường hợp được sửa đổi hợp đồng]</i>

	<i>gắn với quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật].</i>
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Do lỗi chủ quan của nhà thầu (a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình: - Mỗi ngày chậm tiến độ sẽ phạt: 20.000.000 đồng/ngày. - Trả điện muộn/hoặc hủy lịch so với lịch cắt điện đã được duyệt: mỗi lần phạt 20.000.000 đ/l (có biên bản xác nhận trả điện trễ/hủy lịch của đơn vị QL VH). - Chậm hoàn nhập VTTB thu hồi theo quy định: mỗi lần phạt 20.000.000 đ/l. (b) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng: - b.1. Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong HSMT. - b.2. Thi công công trình không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, chuyển vị, thấm nước...., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng. - b.3. Thi công công trình không đúng Thiết kế bản vẽ thi công. - b.4. Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình. Mức hợp đồng bị vi phạm xác định như sau: + b.1, b.3: khối lượng giá trị phần hợp đồng bị vi phạm xác định theo phần công việc bị vi phạm. + b.2 và b.4: giá trị phần hợp đồng bị vi phạm xác định theo chi phí khắc phục. Ngoài việc bồi thường thiệt hại, nhà thầu còn phải khắc phục các công việc sao cho đúng với thiết kế và phù hợp với hợp đồng đã ký kết. (c) Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng” - Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: "không áp dụng". <i>[ghi "áp dụng" hoặc "không áp dụng"]</i>. <i>Trường hợp "áp dụng", quy định nội dung cụ thể về thưởng hợp đồng theo quy định của pháp luật.</i>
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: trong vòng 02 ngày, kể từ ngày các bên tổ chức nghiệm thu kỹ thuật công trình/hạng mục công trình.
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trước khi nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: Không áp dụng _ <i>[ghi số tiền giữ lại]</i>.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 05 ngày <i>[ghi thời hạn nhà thầu nộp hồ sơ quyết toán công trình]</i> ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.